

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Tạo;
- Bà Ngô Hồng Điệp;

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh T Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Lệ T, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Ấp 3, xã L1, huyện C, tỉnh L, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Ấp 3, xã L1, huyện C, tỉnh L, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 07/7/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Lệ T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà T và ông S bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1994. Đến năm 2001, vợ chồng bà đăng ký kết hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã L1 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 06/9/2001. Trước khi tiến tới hôn nhân, vợ chồng bà có tìm hiểu nhau được 01 năm. Theo bà T vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, sự việc này do bà T tận mắt thấy, bà T có quay clip làm chứng cứ nhưng hiện nay đã bị mất. Vì trước năm 2018, ông S cũng có quan hệ tình cảm với người khác, bà T đã tha thứ cho ông S rồi. Nhưng ông S vẫn không thay đổi nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Lệ Tr, sinh ngày 31/10/1995 và Trần Quốc P, sinh ngày 02/02/1999, đều đã trưởng thành. Bà T không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Văn S trình bày ý kiến tại đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt đề ngày 07/7/2022 như sau: Ông S đồng ý ly hôn với bà T.

Những nội dung về con chung, tài sản chung, nợ chung, ông S không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Lệ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn S có nơi cư trú tại Ấp 3, xã L1, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Trần Văn S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Lệ T và ông Trần Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn 59 ngày 06/9/2001 nên xác định hôn nhân giữa bà T và ông S là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà T là do ông S không chung T, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Về phía ông S, ông S không có ý kiến gì về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, không đến tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án nhưng ông S đã thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với bà T. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông S không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông S.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà T và ông S có 02 con chung tên Trần Thị Lê Tr, sinh ngày 31/10/1995 và Trần Quốc P, sinh ngày 02/02/1999, đều đã trưởng thành. Bà T không có yêu cầu gì về con chung, ông S không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông S không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T trình bày không có, ông S không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Lệ T về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Trần Văn S.

Về hôn nhân: bà Trần Lệ T được ly hôn với ông Trần Văn S.

Về án phí: Bà Trần Lê T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0006109 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Thu Xuân